



Số: **004332** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02418.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN SÔCÔLA-VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 26/01/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian thử nghiệm : 26/01/2024-05/02/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Salmonella spp.</i>	AOAC 967.27 (a) (d)	Không phát hiện	/25 g
2	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (a)	< 10	CFU/g

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
 - (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
 - < 10 CFU/g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-02-2024**
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: **004333** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02419.24



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN SÔCÔLA-VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 26/01/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian thử nghiệm : 26/01/2024-05/02/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (d)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/kg
5	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg
6	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 0,05	mg/kg

Mã số mẫu: 02419.24

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-02-2024**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 004331/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02417.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN SÔCÔLA-VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 26/01/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian thử nghiệm : 26/01/2024-05/02/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
2	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
3	DDT	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
4	Endosulfan (Endosulfan I, Endosulfan II, Endosulfan sulfate)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
5	Heptachlor	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/kg
6	Lindan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015	mg/kg
7	Methamidophos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003	mg/kg

Mã số mẫu: 02417.24

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-02-2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02420.24

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM MỊN SÔCÔLA-VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-5
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 26/01/2024
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian thử nghiệm : 26/01/2024-05/02/2024



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
2	Diminazene	HD.PP.46/TT.SK (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 25	µg/kg
3	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
4	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
5	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
6	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện LOD = 30	µg/kg
7	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15	µg/kg
8	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15	µg/kg

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
9	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 15	µg/kg
10	Sulfamethazine (Sulfadimidine)	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
11	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 1	µg/kg
12	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (a) (d)	Không phát hiện LOD = 1	µg/kg
13	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
14	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
15	Procaine benzylpenicilin	HD.PP.46/TT.SK (LC-MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 1	µg/kg
16	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
17	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
18	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện LOD = 7	µg/kg
19	Colistin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 10	µg/kg
20	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện LOD = 10	µg/kg
21	Clenbuterol	HD.PP.68/TT.SK (LC/MS/MS) (Ref. Study of β -agonist residues in animal - derived food) (d)	Không phát hiện LOD = 0,014	µg/kg
22	Monensin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,5	µg/kg
23	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
24	Albendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
25	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref. Application Note 720004511EN Waters & Ref. Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref. Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (d)	Không phát hiện LOD = 0,1	µg/kg
26	Doramectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
27	Eprinomectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
28	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
29	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
30	Imidocarb	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
31	Ivermectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
32	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
33	Trichlorfon (Metrifonat)	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3	µg/kg
34	Deltamethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg
35	Cyfluthrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg
36	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg
37	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5	µg/kg

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-02-2024**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh